

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2022 trên địa bàn huyện

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

I. Tình hình kinh tế - xã hội và các tác động chính đối với môi trường

1. Tình hình kinh tế - xã hội

- Huyện có 13 xã và 01 thị trấn, 21 dân tộc anh em đang sinh sống được phân bố trên 110 thôn, làng, TDP. Tổng dân số là 68.544 người; trong đó: Dân tộc Kinh chiếm 52,88%, dân tộc Bahnar chiếm 39,17% và dân tộc khác chiếm 7,95%.

- Đến cuối năm 2022, tốc độ tăng giá trị sản xuất 8,081%. Cơ cấu giá trị sản xuất (theo giá hiện hành): ngành nông - lâm-thủy sản chiếm: 46,63%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm: 26,57%; ngành dịch vụ chiếm: 27,77%. Thu nhập bình quân đầu người 42 triệu đồng/người/năm.

2. Các tác động chính đến môi trường:

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp đã lạm dụng thuốc (BVTV) sử dụng không đúng cách hoặc quá nhiều các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) khiến cho cây trồng không hấp thụ hết gây nên tình trạng tồn dư phân bón, thuốc BVTV trong đất.

- Lượng rác thải nông nghiệp như chai, lọ thuốc bảo vệ thực vật thu gom, chưa có kinh phí xử lý làm ảnh hưởng đến môi trường nước, đất, không khí.

II. Công tác bảo vệ môi trường

1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1.1. Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí.

+ Các nguồn gây ô nhiễm môi trường bao gồm: hoạt động sản xuất nông nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, các nguồn nước thải, chất thải rắn có hàm lượng ô nhiễm cao cùng với các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương cũng đã phần nào tác động xấu đến môi trường.

+ Hoạt động sản xuất công nghiệp có 03 cơ sở gồm công ty TNHH 30/4 Gia Lai (khai thác, chế biến, quặng sắt); Công ty cổ phần Lý kinh (Khai thác chế biến đá xây dựng); Công ty TNHH MTV Tiến Tường (Chế biến đá ốp lát xuất khẩu).

+ Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn có 02 dự án chăn nuôi lớn gồm (Công ty cổ phần Diên Hồng dự án chăn nuôi bò thịt; Công ty TNHH MTV chăn nuôi Kbang) và các hộ gia đình một số hộ chưa thực hiện triệt để việc xử lý chất thải và nước thải trước khi thải ra môi trường cũng đã ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường sống của khu dân cư.

+ Chất thải phát thải trong sinh hoạt hằng ngày của cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được chia làm 2 loại

+ Chất thải hữu cơ dễ phân hủy: lá cây, rau củ quả, vỏ trái cây, xác động vật, phân động vật,...

+ Chất thải khó phân hủy như: vải vụn, bao nhựa, chai nhựa, bóng đèn, tóc, lốp xe, giấy kẹo, giấy da, xốp,...

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình ước bình quân mỗi hộ có khoảng 1-2 kg/hộ/ngày đêm. Tổng lượng rác thải trên địa bàn khoảng 16.800 kg/ngày đêm.

1.2. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học.

*** Hiện trạng đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh**

- Hiện trạng các hệ sinh thái của Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh

+ Hiện trạng đa dạng sinh học nguồn gen quan trọng

Theo kết quả đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học động, thực vật ở Vườn quốc gia Kon Ka Kinh và đề xuất các biện pháp bảo tồn” năm 2017, Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh có 138 nguồn gen loài thực vật quan trọng và 86 nguồn gen loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

+ Hiện trạng đa dạng sinh học về các loài động vật, thực vật

Về thực vật rừng: Thực vật bậc cao Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh có 1.754 loài, thuộc 753 chi và 181 họ, chiếm khoảng 14% hệ thực vật cả nước. Trong đó có 1.629 loài thực vật hạt kín, 16 loài thực vật hạt trần, và 109 loài khuyết thực vật.

Về động vật rừng: Kết quả tổng hợp các công trình điều tra đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh đã công bố cho đến tháng 12 năm 2017 cho thấy hệ động vật rất đa dạng và phong phú với tổng số 876 loài, thuộc 91 họ và 31 bộ. Trong tổng số 876 loài động vật có 555 loài động vật có xương sống và 231 loài động vật không có xương sống.

Các loài đặc hữu: Hệ động vật Vườn Quốc gia có 16 loài đặc hữu, trong đó lớp thú có 5 loài; lớp chim có 7 loài; lớp bò sát, ếch nhái có 4 loài.

Công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh. Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh có một cơ sở bảo tồn là Trung tâm Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật có chức năng chính là tiếp nhận, cứu hộ, nuôi cứu hộ, nuôi bán hoang dã, nghiên cứu, duy trì giống gốc, cung cấp nguồn giống cho phát triển gây nuôi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều tra, lập kế hoạch bảo tồn loài cây Pơ Mu, các loài cây hạt trần nguy cấp, quý, hiếm; Xác định được khu vực phân bố 5 loài cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm gồm: Trắc, Gõ đỏ, Thông Đà Lạt, Giáng hương, Huỳnh đàn đỏ.

Sản xuất thành công 8.000 cây giống; Trồng được 4ha rừng trồng bảo tồn đa dạng sinh học hỗn giao của 4 loài cây: Trắc, Gõ đỏ, Giáng hương, Huỳnh đàn đỏ.

Điều tra, thu thập các loài Lan kim tuyến và nghiên cứu phương pháp gây uơm. Thu thập 150 mẫu Lan kim tuyến.

*** Hiện trạng đa dạng sinh học của Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.**

- Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng các hệ sinh thái rừng tự nhiên tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, xây dựng chương trình bảo vệ có sự phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm của Khu Bảo tồn với các hộ tham gia nhận khoán.

Bên cạnh đó xây dựng chương trình xúc tiến tái sinh phục hồi các trạng thái rừng non, nghèo.

- Hiện trạng đa dạng sinh học về các loài động vật, thực vật

Đa dạng thực vật rừng: Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng có tổng số 881 loài và dưới loài thuộc 547 chi và 161 họ thực vật của 5 ngành thực vật bậc cao và 413 loài động vật hoang dã có xương sống.

Đa dạng động vật rừng: Khu BTTN Kon Chư Răng đã ghi nhận được 413 loài động vật hoang dã có xương sống.

Các loài thực vật đặc hữu: Có 9 loài thực vật đặc hữu hẹp của Việt Nam, chiếm tỷ lệ 1,7% tổng số loài được thống kê.

Các loài quý hiếm: Có 21 loài quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen và nghiên cứu khoa học được ghi trong sách đỏ của Việt Nam và thế giới..

2. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường.

- Kế hoạch triển khai tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới;
- Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2022 trên địa bàn huyện;
- Quyết định thành lập ban chỉ đạo bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Kbang giai đoạn 2022-2025;
- Kế hoạch hành động về đa dạng sinh học huyện Kbang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Các xã và thị trấn đã xây dựng phương án và tiến hành thu gom rác, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã và thị trấn, tuy nhiên trong điều kiện hiện tại các xã đang tiến hành thu gom tại khu vực trung tâm các xã.

2.2. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

- Về công tác kiểm tra quản lý môi trường rác thải đối với thị trấn: Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với UBND thị trấn kiểm tra các khu vực xe rác không vào được và các khu vực đổ rác thải trộm ra môi trường như: vị trí đồi TDP1, một số hộ dân TDP14 đổ rác thải ra môi trường; Đồi thông - TDP10; cầu Bê tông Ka Nak; Khu vực đường trường sơn Đông - thôn 10, xã Đông, ...gây mất mỹ quan cũng như gây ô nhiễm môi trường. Qua đó, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai cấm biển cấm khu vực cấm đổ rác. Thời gian tới, tiếp tục chỉ đạo phòng Tài nguyên phối hợp với UBND thị trấn, UBND xã Đông xử lý các trường hợp đổ trộm rác thải ra môi trường theo luật vào vệ môi trường năm 2020.

- Về công tác kiểm tra các hộ kinh doanh, chăn nuôi, dịch vụ, doanh nghiệp trong năm được tổng số: **50 cơ sở**. Nhìn chung, các cơ sở chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh cũng như trong sản xuất, chăn nuôi. Tuy nhiên, có những trường hợp chưa chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường để cho nhân dân phản ánh như: Kiểm tra, xử lý hộ gia đình ông Võ Đình Côi tại thôn 02, xã Nghĩa An chăn nuôi bò không đảm bảo vệ sinh môi trường gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh, UBND xã Nghĩa An đã ra biên bản xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ và yêu cầu gia đình khắc

phục vi phạm. (*Phụ lục IV kèm theo*).

2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường:

- Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế như: làm vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, thu gom xử lý chất thải; tuyên truyền, khuyến khích cộng đồng không sử dụng túi nilon khó phân huỷ và các sản phẩm nhựa dùng một lần;

- Tăng cường kiểm soát việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; tập trung các nguồn lực để giải quyết triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường từ chất thải gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sinh kế của người dân; khuyến khích tổ chức khởi công, xây dựng và bàn giao các công trình bảo vệ môi trường phục vụ lợi ích của cộng đồng;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc không săn bắt động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, không khai thác, đánh bắt, sử dụng cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Khuyến khích treo băng rôn, pano, áp phích được làm từ các vật liệu thân thiện với môi trường tại các khu vực công cộng, đường phố, trụ sở cơ quan làm việc và các địa điểm phù hợp.

- Kết quả đạt được tổng số người tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường **1469** lượt người tham gia, Khởi thông công rãnh, phát quang bụi rậm (**6000 m**), Tổng lượng rác thu gom tấn, xử lý **18.300** tấn; Vệ sinh khu vực công cộng, đường giao thông **63** km; Số công trình BVMT khởi công, khánh thành, bàn giao, số cây trồng và chăm sóc (**600** cây xanh); Treo băng rôn, khẩu hiệu, tờ rơi, poster **84**; Phát thanh truyền hình **8** buổi.

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm:

- Hiện tại trên địa bàn huyện không có các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (CCN), làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Các nguồn ô nhiễm như: các đô thị, khu dân cư tập trung; các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; các CCN; các làng nghề; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn; các nguồn ô nhiễm khác. Chi tiết tại (*Phụ lục I kèm theo*).

2.5. Quản lý chất thải và phế liệu:

a. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

- CTRSH: Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn khối lượng CTRSH đô thị được thu gom, vận chuyển và xử lý 86,44%,; khối lượng CTRSH nông thôn được thu gom, vận chuyển và xử lý 50,3%.

- Các cơ sở xử lý CTRSH; số lượng khu/bãi chôn lấp CTRSH; số lượng các bãi chôn lấp hợp vệ sinh 09 cơ sở.

b. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn: 1,5 tấn/năm.
- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn: 120 kg/năm.
- Các cơ sở xử lý CTNH:

+ CTNH (bao bì Phân bón, thuốc BVTV): UBND các xã, thị trấn đã đặt bể chứa để thu gom bao bì Phân bón, thuốc BVTV tại các tuyến đường ra khu sản xuất. Tuy nhiên, sau thu gom hiện tại chưa vận chuyển xử lý đúng quy trình.

+ Chất thải y tế nguy hại: Hằng năm Trạm y tế xã có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại với Trung tâm y tế huyện để thu gom, xử lý.

c. Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu: (Phụ lục II kèm theo).

2.6. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường:

- Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt, ...); Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất; Quản lý, cải thiện chất lượng không khí.

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường 05 cơ sở (03 mỏ cát; 01 mỏ quặng sắt; 01 mỏ đất xây dựng);

- Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn tại Phụ lục III kèm theo.

2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

** Kết quả kiểm tra do nhân dân phản ánh:*

Qua kiểm tra, xử lý hộ gia đình ông Võ Đình Côi tại thôn 02, xã Nghĩa An chăn nuôi bò không đảm bảo vệ sinh môi trường gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh; Kết quả UBND xã nghĩa an đã ra biên bản xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ và yêu cầu gia đình phục và gia đình đang thực hiện.

** Kết quả kiểm tra do báo chí phản ánh:*

Dự án “Trung tâm giống heo công nghệ cao” tại xã Sơ Pai. Ngày 28/9/2019, UBND tỉnh có quyết định số 1007/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “ Trung tâm giống heo công nghệ cao” tại xã Sơ Pai.

- Hiện trạng: Đối với chuồng heo xây dựng 7/7 dãy chuồng (kích thước 75m x 26,8). Trong đó: 3/7 đã hoàn thiện và đang nuôi heo, còn lại 4/7 đang hoàn thiện.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: đã xây dựng hầm chứa nước thải (Tổng dung tích 7.000m³); các hố ga thu gom nước thải; 02 bể xử lý nước thải (Tổng dung tích 900m³) hệ thống xử lý xác heo chết, tách ép phân. Đang tiếp tục hoàn thiện và đang xây dựng hệ thống xử lý Biogas; hồ sinh học; sân phơi phân.

- Đối với công trình nhà ở, làm việc các công trình phụ trợ đã xây dựng và đưa vào sử dụng 02 dãy nhà ở kho, tháp nước, trạm khử trùng, hệ thống điện nhà bảo vệ . Đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện công trình phụ trợ khác.

- Số lượng heo đang nuôi 03 dãy chuồng là 600 con (gồm 150 heo ông bà và 450 heo con). Nước thải chăn nuôi phát sinh hàng ngày tại dự án (25 lít/heo lớn x 150 con + 3 lít/heo nhỏ x 450 con = 5.100 lít = 5,1 m³ nước thải/ ngày) . Dự án không tắm heo hàng ngày mà chỉ rửa chuồng khi heo được xuất đi khỏi chuồng.

- Qua kiểm tra dự án không có xả nước thải, khí thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh.

2.8. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm; quản lý nguồn gen và an toàn sinh học; phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

a. Nguồn nhân lực:

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn có 11 công chức cấp xã 01 nhân viên cấp huyện; trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường (05 công chức địa chính - xây dựng kim nhiệm; 07 địa chính - nông nghiệp kiêm nhiệm; 01 nhân viên cấp huyện chuyên ngành môi trường).

b. Nguồn lực tài chính: Kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường là 3.193.000.000 VNĐ.

4. Đánh giá chung

Nhìn chung ý thức người dân về bảo vệ môi trường được nâng cao; các cơ sở dự án chăn nuôi, sản xuất kinh doanh dịch vụ tuân thủ theo pháp luật bảo vệ môi trường.

** Tồn tại, hạn chế:*

- Ô nhiễm môi trường nhiều nơi đang có nguy cơ vượt ngưỡng chịu đựng của các hệ sinh thái, ảnh hưởng lên nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội, điều kiện sống và sức khỏe của nhân dân.

- Các nguồn ô nhiễm môi trường gia tăng nhanh về số lượng, quy mô và mức độ tác động xấu lên môi trường đất, nước, không khí đặc biệt là chai lọ thuốc bảo vệ thực vật. Vẫn còn các hộ chăn nuôi gia đình gây ô nhiễm môi trường chưa được xử lý triệt để.

- Đa dạng sinh học tiếp tục bị suy giảm, cân bằng sinh thái có nguy cơ bị ảnh hưởng. Quy mô, chất lượng và tính đa dạng của hệ sinh thái tự nhiên tiếp tục suy giảm; việc thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên và mở rộng diện tích bảo tồn thiên nhiên còn chậm; các loài động thực vật hoang dã tiếp tục suy giảm; vẫn còn các nguy cơ từ sinh vật ngoại lai xâm hại và rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.

** Nguyên nhân:*

- Cán bộ làm công tác quản lý môi trường ở cấp xã không được đào tạo chuyên môn về công tác quản lý và bảo vệ môi trường do đó việc quản lý, kiểm tra, giám sát và tham mưu thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ còn hạn chế.

- Một bộ phận dân cư chưa có ý thức cao trong việc tham gia bảo vệ môi trường; vẫn còn nhiều trường hợp sử dụng xong bao thuốc bảo vệ thực vật lại vứt ngay tại các ao, suối gây ô nhiễm môi trường

- Do tốc độ đô thị hóa nhanh, cây trồng, vật nuôi tăng về số lượng và chất lượng nên vượt ngưỡng chịu đựng của môi trường

- Nguồn kinh phí hạn hẹp, công nghệ xử lý các chất thải không có và lạc hậu.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật về bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân. Tăng thời lượng, nội dung các chương trình về bảo vệ môi trường trên hệ thống truyền thanh huyện; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp thực hiện tốt công tác thông tin - giáo dục - truyền thông về bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng dân cư.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm, kiên quyết đề nghị cấp có thẩm quyền tạm đình chỉ hoạt động, cấm hoạt động hoặc buộc di dời theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm và giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu nại của người dân, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu công cộng.

- Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và hoàn thiện phương án và tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV trên địa bàn huyện.

III. Đề xuất, kiến nghị

Hàng năm mở các lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác bảo vệ môi trường để nâng cao nghiệp vụ về công tác quản lý môi trường cho cán bộ cũng như người dân nhất là đối với các hộ kinh doanh, sản xuất trên địa bàn huyện.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 trên địa bàn huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- TT UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- Lưu VP, VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng



Phụ lục I.

Các nguồn ô nhiễm

(Kèm theo Báo cáo số: 10/BC-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Kbang)

Bảng 1. Danh mục các phường/xã/thị trấn thuộc huyện

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số (người/km ²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Huyện Kbang			3.080m ³	0	0	0%	

Phụ lục II.

Quản lý chất thải và phế liệu

(Kèm theo Báo cáo số: .../BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Kbang)

(Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)

Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Toàn huyện						
Huyện Kbang						
1	Chất thải rắn sinh hoạt					
1.1	Khu vực đô thị	8.480 tấn	7.330 tấn	7.330 tấn	86,44%	
1.2	Khu vực nông thôn	7.800 tấn	3.939 tấn	3.939 tấn	50,5%	
3	Chất thải nguy hại	15.5	15.5	0	0	
4	Chất thải y tế nguy hại	4.68	4.68	4.68	100%	

Như

Phụ lục III.

Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn
(Kèm theo Báo cáo số: 40 /BC-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Kbang)

STT	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
(1)	(2)	(3)	(4)
Toàn huyện			
Huyện Kbang	3.080 m ³	0	03.080 m ³

Phụ lục IV. Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm 2022
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Kbang)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng) (nếu có)	Các vi phạm chính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Toàn huyện	01				
Xã Nghĩa An	Võ Đình Côi	Thôn 02	750.000 đồng	nước thải chăn nuôi bò ra môi trường chưa qua xử lý	Giao cho UBND xã xử phạt

Như